

Chữ viết tộc-phả gia-phả phải đăng-tả nghĩa là ngang bằng số ngay đều đặn, gọi là lối khải-thư hay là lối chân, nhà giàu họ to thường sắm hộp sơn thếp đựng gia-phả tộc-phả, để trong khám thờ bên cạnh bao sắc, gìn giữ cẩn-trọng.

CỬA HƯƠNG-HÓA

Nhà thờ với đất dựng nhà thờ, những đồ thờ, những vườn ruộng có hoa-lợi dùng vào việc thờ cúng, là của hương-hóa.

Cửa hương-hóa không được phép bán. Luật-lệ cũng không cho phép sai-áp hay tịch-biên của hương-hóa, bất cứ vì lẽ gì.

Cửa hương-hóa truyền đời nọ sang đời kia cho người thừa tự đứng tên. Việc khai thác ruộng đất hương-hóa lấy hoa-lợi tùy thuộc tục lệ riêng của mỗi gia-tộc.

RUỘNG KÝ

Ngày chết của người trước con cháu lấy làm ngày kiêng gọi là kỵ-nhật, tức, ngày giỗ. Ruộng đất có hoa-lợi để làm giỗ gọi là ruộng kỵ tức ruộng giỗ.

Ruộng kỵ do tờ tiền để lại, có khi là của cả họ cả chi chung nhau tậu, hay là của người trong họ cúng để lấy hoa lợi chi tiêu về việc tế tự.

MUA HẬU

Có người không con trai, dù đã lập-tự cho em hay cháu rồi, vẫn còn e ngại lâu ngày về sau kẻ thừa tự sẽ bỏ không cúng giỗ, mới mua hậu họ hay hậu làng để gởi ruộng cho họ hay cho làng làm giỗ thờ cúng mãi mãi không bao giờ dứt.

Việc mua hậu rất khó, không phải cứ bỏ ra nhiều tiền nhiều ruộng mà được. Ngay trong một họ tuy vẫn có tình thân-thích, nhưng nếu ngày thường ăn ở kém nhân-hậu thiếu tình-cảm, thì vẫn không được cả họ ưng bầu.

Mua hậu làng còn khó hơn nhiều. Phải là người có đức độ có công ơn với làng, như bỏ lúa gạo ra cứu giúp năm đói đỡ chết hại, xuất tiền của cho làng đắp đê, bắc cầu, xây cống, làm đình làm chùa... cũng phải có tình-cảm được nhiều người làng quý mến ký bầu hậu mới được.

Từ khi lập khoán bầu xong, hậu được sống tốt chết giỗ, thật là trọng đãi. Ruộng hậu để cho họ hay làng lấy hoa-lợi phải đủ xứng-đáng với cách tôn-sùng nhường ấy. Người mua hậu bao giờ cũng muốn để nhiều ruộng cho có nhiều hoa-lợi, sau khi trăm tuổi giỗ càng to người họ hay người làng đến lễ giỗ hậu càng đông càng thêm trọng thể, *khua mở không bằng gõ thớt*. Nhiều họ nhiều làng hằng năm mở lợn mở bò làm giỗ hậu cúng tế linh-dịch, ăn uống vui vẻ.

Ruộng hậu họ là ruộng kỵ, là của hương-hóa. Ruộng hậu làng cũng là ruộng kỵ thường gọi là ruộng hậu (hậu-diễn) lại thành ra một hình-thức của công, không

gọi là của hương-hỏa, nhưng cũng không được phép bán bất cứ vì lẽ gì.

Hậu họ được thờ trong nhà thờ họ ở chỗ thích đáng với thứ bậc cháu xa đời đối với tổ tiên, nghĩa là không được tôn thờ ngang hàng, và thường có bia đá khắc nơi thờ tự.

Hậu làng bao giờ cũng có bia đá khắc họ tên và kê lại công-đức đối với dân, nhiều khi có lầu thờ riêng bên cạnh hay đằng sau miếu Thành-hoàng.

Đời hậu Lê có nhiều quan hoạn mua hậu họ, hậu làng. Làng Bái Quan-tự tỉnh Hà-Đông có một quan hoạn niên-hiệu Cảnh-Hưng 19 mua hậu năm làng (thuộc một đại xã), hồi loạn-lí 1948 cả năm làng vẫn còn giữ nguyên tục làm lễ giỗ « quan thần-hậu » cùng một ngày. Người mình có thói lo-lắng đến như vậy cho lúc đã chết.

Một số Phật-tử không con trai có tục gửi giỗ nhà chùa. Gửi giỗ nhà chùa không khó khăn gì. Ruộng cúng vào chùa để làm giỗ nhiều hay ít thường cũng được chấp nhận. Nhà chùa cũng theo thể-tục *tùy tiền biện lễ*, giỗ to thì làm cỗ chay cúng, mời khách trong làng trong họ của hậu, không thì oản quả cúng Phật và cúng giỗ cũng xong. Nhiều chùa có cả ba gian nhà thờ hậu chỉ chít những bát hương, mỗi bát có dán giấy đỏ đề tên họ người đã gửi giỗ. Bước vào những nhà thờ hậu này người ta có cảm tưởng các vong-linh đều được đối đãi tự-do bình-đẳng, tất cả đều là chúng sinh *ấn mày của Phật*. Có những người sùng-tín tuy có con sẽ thờ cúng nhưng vẫn gửi giỗ nhà chùa.

CÚNG GIA-TIÊN

Không kể những ngày giỗ, một năm có nhiều lễ tiết chung cho mọi nhà : Ba ngày Tết, thanh-minh, đoan-ngọ (mùng 5 tháng năm) trung-nguyên (rằm tháng 7) trung-thu (rằm tháng 8) gạo mới (tùy đất đồng chiêm tháng tư, đồng mùa tháng 8) bánh trái đầu mùa, và khi có việc hiếu hi, cuối năm còn chạp Ông Công và lễ tất-niên.

Nghèo khó không nói chi, những nhà giàu có và nhiều nhà chẳng dư-dật gì cũng một mực giữ nền nếp, thường lo đủ lễ tứ-thời bát-tiết cúng gia-tiên.

Đang cúng của đầu mùa thì : Bánh trôi, bánh chay, dưa hấu, vải, nhãn, na, cốm, hồng, cơm gạo mới với chim ngói...

Lại còn ngày rằm mùng một mỗi tháng, có nhà thấp đèn hương mà không dâng cúng lễ vật gì, có nhà thì pha trà cúng, có nhà thì trầu rượu. Nhưng cũng nhiều nhà phần đông là nghèo-túng hay vì mãi ngược xuôi làm ăn, không đèn hương lễ vật gì.

Mỗi khi trong nhà có việc vui mừng như sinh con, cưới gả, khao vọng, mừng thọ, thi đỗ, đi công-vụ, hay là có việc tang ma, có việc phải đi xa vất vả khó khăn, đi thi... người mình đều làm lễ cáo yết hoặc kêu cầu gia-tiên. Lễ mặn là cái thủ lợn, con gà đĩa xôi, hay lễ chay thì oản quả, đơn giản nữa thì coi trầu, nậm rượu cũng được ; dù lễ mặn lễ chay vẫn phải có trầu rượu.

Cúng lễ trọng thì là ngày Tết, ngày giỗ.

CÙNG GIỎ

Ngày giỗ là một ngày tang trong suốt đời (chung thân chỉ tang). Vì mỗi năm có một lần cho nên người ta coi việc làm lễ giỗ cha mẹ ông bà là trọng.

Những nhà sung-túc thường làm lễ cúng *tiên thường* từ chiều hôm trước. Nhiều nhà có lăm hoa lợi hương-hóa hay kỵ-diên để làm giỗ, thì anh em bà con đến cúng *tiên-thường*, đêm ở lại châu chực *gia-tiên*, để sáng hôm sau cúng giỗ ngày chính.

Thường thường thì giỗ cha mẹ làm to, rồi trở lên mỗi đời mỗi xa thì kém đi. Giỗ các cụ, kỵ xa đời cũng như giỗ những người không thuộc hàng quan trọng trong *gia-đình*, thường làm đơn giản, không mời-mọc ai, ta quen gọi là *giỗ giúi*. Nhà trường một ngành họ hằng năm phải làm nhiều giỗ: cha mẹ, ông bà, cụ, kỵ, và có khi những ông chú ông bác xa đời, tất cả những người đã gửi giỗ (để ruộng đất lấy hoa lợi làm giỗ), lại còn bà cô, ông mãnh; có tháng hai ba cái giỗ. Giỗ không được coi là trọng thì *cúng cơm canh*, là nói làm giản dị không bày đặt cỗ bàn.

Giỗ trọng thường mời cả bà con thân thuộc xóm giềng bạn bè. Nhiều nhà thầy dạy học tất cả môn-sinh tự coi là có *bổn-phận* phải đến lễ giỗ, nhiều nhà hào trưởng có khi cả làng đến ăn giỗ, những đám giỗ như thế ở thôn quê thường hay mỡ lợn có khi mỡ bò, làm cỗ thật dãi.

Cỗ giỗ to mấy mặc lòng, thế nào cũng phải có một bát cơm một quả trứng, cơm sôi vào một cái bát đầy

có ngọn, úp lồng một cái bát khác lên trên gọi là bát cơm lồng; trứng gà luộc bóc vỏ bẻ dẹt trên đĩa với ít hạt muối. Thế cho nên cúng giỗ còn gọi là *cúng cơm*.

Bà con khách khứa đến ăn giỗ thường mang cau, rượu, trà, vàng hương, dâng cúng, lễ lạy trước bàn thờ, rồi mới ngồi vào dự tiệc rượu.

CÁCH THỨC LÀM LỄ

Trên bàn thờ đèn hương đã được thắp từ trước, cỗ bàn bày lên rồi, *gia-trưởng* khăn-áo chỉnh-tề — có nhà dùng áo thụng — chăm chú xem soát lễ vật có đầy đủ không, rồi mới bước vào chiếu trải trước bàn thờ, lễ bốn lạy, quỳ xuống, hai tai chấp lại vòng lên ngang trán. Một trong hai người chấp sự, thường là em hay con cháu *gia-trưởng*, đứng hai bên bàn thờ, lấy ba nén hương châm lửa thắp, đưa cho *gia-trưởng* cầm vái một vái dài rồi trao lại đem cầm lên bát hương, người chấp sự thứ hai mở nút bình rượu, rót rượu vào ba cái chén để trên đài; xong đầu dấy rồi người *gia-trưởng* làm lễ khấn. Lời khấn đại-đề rằng:

« Nước Đại-Nam triều vua... năm thứ (mấy) tháng... ngày..., tỉnh (gi) huyện (gi), tổng, xã, thôn (gi), con hay cháu đời thứ mấy (xưng hô theo liên-hệ đối với người đã khuất được cúng giỗ) tên là... cùng với vợ, con, cháu, cả *gia-đình*, thành cần kính dâng lễ vật rượu, trà, hoa, quả, xôi, chè, cỗ bàn, lên cha hay mẹ, hay ông, bà... tên húy là... tên thụy (hay tên hiệu) là..., mất ngày... tháng, năm (nào), chôn ở cánh đồng (nào). Hôm nay là ngày giỗ xin kính dâng lễ bạc, mời cha mẹ hay ông

bà ... soi xét lòng thành hãm-hường, phù hộ cho con cháu cả nhà được mạnh giỏi, mọi sự tốt lành.

Kính mời ông bà tổ bốn đời, ba đời, cha, mẹ (đọc tên húy, tên thụy, tên hiệu của mỗi vị) cùng chú, bác, anh, em, cô, dì, chị, em, về cùng hưởng lễ cúng ».

Nếu không phải ngày giỗ, thì khấn mời từ ông bà tổ bốn đời lần lượt từng thế-hệ trở xuống đến cha mẹ, đủ cả tên húy, tên thụy, tên hiệu mỗi vị, và rằng là ngày mùng một hay mùng hai, mùng ba Tết, hay ngày đoan-ngộ, ngày trung-nguyên ... cho nên dâng lễ cúng. Sau cùng bao giờ cũng có lời khấn mời chú, bác, anh, em, cô, dì, chị, em, là nghĩ tình đối với tất cả những người có liên-hệ mà không được quyền hưởng cúng vái như các vị đã có kể rõ tên húy, tên thụy, hiệu ở trên.

Lúc khấn, mỗi lần đọc tên húy, tên thụy, hiệu của tiền-nhân thì gia-trưởng lại hạ thấp giọng xuống tỏ ý kính cần không dám đọc to rõ ràng, và mỗi lần cũng cúi đầu vái một vái.

Văn khấn bằng chữ Hán (trên kia là lời phỏng dịch) cho nên những nhà nghèo lo được cho con đi học ít năm ít tháng chỉ cầu mong cho con biết khấn vái gia-tiền ngày giỗ ngày Tết và khi có công việc. Nho học được sùng chuộng như vậy, bất kể những người đã khuất không biết chữ thì hẳn là không hiểu lợi khấn, nhất là các bà lúc sinh-thời ít được học. Những nhà nghèo-khó hết đời nợ sang đời kia, không được học không biết chữ, thì lẽ tất-nhiên phải khấn vái bằng ngôn ngữ thông thường.

Khấn xong, người gia-trưởng cúi xuống lễ nốt một nửa lạy nữa để đứng lên, rồi vái ba vái, và lùi ra.

Sau đấy, anh em, con cháu lần lượt theo thứ bậc vào lễ trước bàn thờ, lễ bốn lạy và ba vái.

Ít lâu nay tục lạy đã bỏ dần và rồi sẽ mất hẳn, tưởng cũng cần tả rõ cái động-tác lạy để đời sau biết rõ là như thế nào.

Đứng thẳng, chấp hai tay dơ cao lên ngang trán, cong mình cúi xuống, đặt hai tay vẫn chấp xuống chiếu, quỳ gối bên phải rồi gối bên trái xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống gần hai bàn tay đang chấp (đến đây là thế phủ-phục), cất đầu và mình thẳng lên đồng thời co hai tay vẫn chấp lên trước ngực và co đầu gối bên phải lên, đặt bàn chân phải lên chiếu để sửa soạn đứng dậy, đem hai bàn tay vẫn chấp xuống tì vào đầu gối bên phải mà đứng lên, chân trái đang quỳ tự nhiên theo cử động chót này cùng đứng thẳng lên.

Như vậy người chủ lễ (ở đây là gia-trưởng) trước khi khấn đã lễ bốn lạy, và sau khi khấn, từ ở thế quỳ đứng lên, đã lễ một nửa lạy, cho nên ta thường nói bốn lạy rưỡi là thế.

Khi mọi người đã làm lễ trước bàn thờ rồi, nhiều nhà có gia-phả thường đem ra đọc, mấy người nhiều tuổi, bậc chú bác, hay kể lại tính-tình cùng là hành-vi của người đã khuất và của một vài tiền-nhân khác. Đợi lâu lâu rồi con cháu đem vàng ra sên đốt, người ta quen đem một chén rượu đã cúng đồ vào đồng than vàng đang cháy, đốt vàng và tờ tiền với tất cả quần áo bằng giấy để cho người được cúng giỗ tiêu dùng ở bên kia thế-giới.

Nhiều nhà sung túc để đến ngày hôm sau "làm cơm" cúng hóa vàng, thành ra giỗ kéo dài ba ngày.

NHỮNG LỄ TIẾT TRONG MỘT NĂM (CÓ CÙNG GIA-TIÊN)

TẾT NGUYÊN-ĐÁN

Tiếng Tết do chữ Tiết (chữ Hán) mà ra, nguyên là đầu tiên, đán là buổi sớm, Tết Nguyên-Đán bắt đầu năm mới, ta quen gọi vẫn tắt là Tết.

Vậy năm mới bắt đầu vào khoảng thời-gian nào trong chuỗi ngày đêm kế tiếp liên miên vô tận?

Mỗi xứ, mỗi miền tùy từng dân-tộc theo một lối tính năm tháng khác nhau, gọi là âm-lịch, dương-lịch. Tết của ta là theo âm-lịch mặc dầu ta cũng đã quen dùng dương-lịch từ hơn nửa thế kỷ nay trong mọi giao dịch tiếp-xúc với nhau và với người ngoài.

Có nhiều âm-lịch, như lịch Chaldée, lịch Hébreux, lịch Ai-Cập, lịch Hi-Lạp. Những lịch này có ít nhiều điểm tương-đồng với âm-lịch của Tàu. Ta theo âm-lịch giống như của Tàu; đã từ lâu đời các triều-đại vua ta đã thiết-lập tòa Khâm-thiên-giám xem thiên-văn làm lịch tính theo độ số chuyển vận của các hành-tinh, không phải là ta chỉ chép theo lịch Tàu mà dùng.

Phép làm lịch của ta theo khoa-học thiên-văn như của Tàu, lấy khởi điểm ở tháng Dần làm tháng giêng là lúc chuôi sao Bắc-đẩu chỉ về phương Dần, đến tháng hai chuôi sao Đẩu chỉ về phương Mão... cho đến tháng chạp thì chuôi sao Đẩu chỉ về phương Sửu.

Điều đáng chú ý là tám tiết của âm-lịch ta (lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân-phân, thu-phân, hạ

chí, đông-chí) ăn nhập đúng sát với bốn mùa của dương-lịch đang thông dụng; cho nên về cuối năm từ tiết đông-chí (ngày 20 hay 21 tháng 12 dương-lịch) là nhất-dương sinh, sang đầu năm mới là tam-dương, vì vậy ngày Tết ta hay viết *Tam dương khai thái Ngũ phúc lâm môn* vào giấy hồng điều dán cửa để đón xuân, là thế.

Nếu muốn biết ta có tục ăn Tết tự bao giờ thì tưởng cũng khó mà nói chắc được. Theo từ-điển Từ-hải mục *Trung ngoại lịch-đại-đại-sự niên-biêu* thì năm khởi-điểm lịch Tàu là năm 3.000 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, mà họ Hồng-Bàng nước Việt ta bắt đầu vào năm nhâm-tuất (trước Tây-lịch 2879 năm) (1) nghĩa là hơn một trăm năm sau khi có lịch Tàu; nhưng mãi đến đời nhà Hạ (2205-1818 trước Tây-lịch) lịch Tàu mới lấy tháng Dần làm tháng giêng. Vậy ta có ăn Tết theo âm-lịch hiện giờ, thì chắc-chắn là không phải từ đời Hồng-Bàng, và nếu phỏng đoán là từ khi chịu ảnh-hưởng phong-hóa của Tàu do Tích-Quang và Nhâm-Điền truyền sang thì là từ thế-kỷ thứ I tây-lịch trở về sau, chứ không sớm hơn được.

SỬA SOẠN TẾT

Ta ăn Tết ba ngày mà có thể nói là sửa-sửa Tết gần cả năm cũng không phải là ngoa.

Nhà có vườn cau quanh năm lo lượng nhặt những tàu lá rụng, cắt lấy mo tước mỏng, quấn lại, gác bếp, để Tết gói giò. Người ta lo cả từ chiếc lạt giang để buộc giò, buộc bánh chưng, không đợi ngày gần Tết mới sắm.

(1) Nguyễn-bá-Trúc *Hoàng-việt giáp tí niên-biêu*.

Nhiều nhà nuôi heo, nuôi gà từ đầu năm để Tết mổ thịt.

Nhiều nơi có tục chơi *Họ giò bánh*, mỗi tháng góp tiền và mua hột, để lại một phần giao cho nhà cái đến Tết mua gạo thịt làm giò gói bánh-chưng chia nhau.

Những người trồng cây chơi cảnh chơi hoa, chơi quả, như hải-đường, mai, trà, quất, cúc, nhất là bích-đào, lo vun trồng cắt xén sao cho kịp bán vào dịp Tết. Người bán cũng như người chơi thủy-tiên phải lo gọt tách từ đầu tháng chạp cho kịp có hoa nở đúng ngày đầu xuân.

Người buôn, ngoài hàng hóa bán quanh năm, thường phải lo liệu sớm để có đủ hàng bán Tết, có thứ phải đặt mua từ năm bảy tháng trước.

Từ trung tuần tháng chạp, phố xá chợ búa đã bắt đầu có vẻ Tết, rồi mỗi ngày thêm nhộn-nhip, mấy buổi chợ cuối năm càng tưng-bừng tấp-nập, đông như chợ Tết.

Hàng gì cũng nhiều gấp bội ngày thường đã đành, chợ Tết còn thêm đặc-sắc về Tranh Pháo. Ta có tục cho trẻ nhỏ từ lứa lớn đến những lứa năm sáu tuổi đi chơi chợ Tết phiên cuối năm, mua tranh mua pháo, mua quế-chì ăn cho thơm miệng ngày Tết. Tại những nơi chợ họp phiên cuối tháng vào ngày 26 hay 27 thì thế nào cũng có thêm phiên chợ cho trẻ con vào ngày 28, 29 hay 30, cũng gọi là phiên chợ Tết.

Đi chợ không thể quên không mua một hai cây mía thật lớn dựng bên bàn thờ ngày Tết làm *gậy ông vãi*.

BIỂU TẾT

Con cháu đã ra ở riêng hoặc ở xa phải lo liệu biểu Tết cha mẹ ông bà, nhiều ít tùy hoàn cảnh. Cha mẹ ông bà nghèo có khi con cháu lo sắm đủ thứ đem về; nếu giàu sang con cháu thường chỉ chăm lo biểu quà chơi Tết, như một cành đào hay vài củ thủy-tiên, vài chậu cúc, vài cối pháo, hoặc của ngon vật lạ.

Chàng rể biểu Tết nhạc-gia cũng tùy tâm, không bắt buộc phải theo thể thức nhất định.

Học trò tết thầy học; Có những ông thầy nghèo học-trò trông nhau lo biểu thầy chẳng thiếu thứ gì.

Người bệnh hoạn dẫu qua khỏi đã lâu, vẫn nhớ ơn tết ông lang đã cứu chữa lành mạnh.

Có ân tình gì, thì ngày Tết là dịp biểu quà để tỏ lòng chung-thủy.

Bà con bạn hữu biểu Tết lẫn nhau, có đi có lại mới toại lòng nhau.

Lại còn dân biểu Tết quan, con nợ biểu Tết chủ nợ, có lẽ khởi thủy là mỹ-tục cảm tình ân nghĩa, nhưng dần dà đã biến thành tệ-tục. Tham-quan ô-lại thì mấy cũng không vừa. Con nợ ở cảnh khốn cùng cũng cứ phải chạy vạy lo biểu Tết thì thật là chua-xót.

MẤY NGÀY TRƯỚC TẾT

Trước Tết, nhà nào cũng lau rửa bàn thờ, đồ thờ, đồ đồng thì chùi đánh sáng choang.

Ở thôn quê đun bếp rơm, người ta thay cả mấy cỗ đồ rau mới nặn bằng đất.

Những ngày 28, 29 và 30 cuối năm bận rộn nhất: gói bánh chưng, thức suốt đêm nấu bánh, mỡ heo làm giò nem; không giàu có thì cũng chung đựng bốn nhà mỡ một con heo lớn nhỏ tùy sức, để khỏi phải mua đất, không có lệ phải trả thuế má gì.

Chiều ngày 30 bận gì cũng phải nhớ nấu nước ngũ vị hương rày trong bếp và trên nhà thờ, để tẩy uế.

Mượn mỡ ai đồ vật gì phải nhớ trả, không để sang năm mới người ta cần đến đòi về thì giông. Có nợ-nan phải lo trang-trải trước Tết.

Khôn ngoan đến cửa quan mới biết,

Giàu khó ba mươi Tết mới hay.

Không trả được nợ thì bị hối thúc om xòm, cho nên tục ngữ có câu: Réo như réo nợ ngày gần Tết.

Từ lúc cây nêu được trồng lên trưa ngày 30 cuối năm, mọi việc phải được coi như xong xuôi, nhà nào nhà nấy sẵn sàng làm lễ tống-cửu nghinh-tân.

Lúc này những người vì công-danh tài-lợi phải bỏn-ba đất khách mới cảm thấy nỗi sầu hiu-quạnh xa quê-hương xa gia-đình. Cho nên ngày xưa người đi làm xa, người buôn tứ xứ, không ai là không nghĩ đến Tết tìm về với họ hàng làng xóm. Trừ người làm quan không để gì vắng nhiệm-sở, ai đi xa bất cứ làm gì mà Tết không về, là coi như vất-vả khổ-cực lắm. nếp sống tình-cảm này đã gây trở-ngại lớn trên bước đường tiến-hóa của dân-tộc.

CÂY NÊU

Trẻ lắm là buổi chiều ngày 30 Tết (âm-lịch tháng thiếu thì ngày 29 kể là 30) nhà nào cũng trồng nêu. Một cây tre dẫn tới gốc đề dài còn đủ ngọn lá, trồng ở trước sân với một cỗ mũ nhỏ và một tảng vàng buộc ngang thân cây trên cao, có nơi treo trên ngọn mấy chiếc khánh bằng đất nung, gió đánh chạm vào nhau kêu leng keng. Trồng nêu để làm dấu hiệu là đất có chủ, mà quý không được dòm ngó quấy nhiễu; trong một bài thơ Tết có câu:

Duyên với văn chương, nên dán chữ

Sợ gì ma quỷ phải trồng nêu. (1)

là nói lên ý ấy. Cây nêu trồng trước sân như vậy đến ngày khai hạ là tháng bảy tháng giêng thì hạ xuống và đốt vàng mũ.

Những nhà chẳng tiện trồng nêu thường buộc cành đa lá dứa ngoài cửa ngõ. Có nơi rắc với bột trước sân ngoài cổng có vẽ hình bàn cờ, cái cung cái nỏ với tên bắn ra đằng trước ra hai bên, cũng là có ý trấn giữ nhà, ngăn chặn ma quỷ.

Trưa hôm ba mươi, người ta sửa lễ cúng tất-niên đồng-thời đón-rước tổ-tiên; từ lúc này đèn-hương thắp suốt ba ngày Tết.

(1) Tác-giả khuyết danh.

ĐÊM GIAO-THỪA LỄ TRỪ-TỊCH

Trừ là trao lại chức quan, tịch là ban đêm. Lễ trừ tịch cử hành lúc giao-thừa là lúc cũ mới giao tiếp. Hết giờ Hợi sang giờ Tí vào lúc nửa đêm, là bắt đầu sang ngày khác âm-lịch; đêm 30 Tết lúc này là *giao-thừa*, người ta làm lễ Trừ-tịch tiễn vị thần năm cũ, đón vị thần năm mới, cũ giao lại công việc, mới tiếp nhận.

Xưa ta tin rằng mỗi năm có một vị thần *Hành-khiên* coi việc nhân gian, mỗi vị có tên riêng với vương-hiệu, và cũng gọi là *Đương-niên chi-thần*, Mỗi vị hành-khiên có một vị phụ-tá là *phán-quan*.

Có mười hai vị Hành-khiên luân phiên kể từ năm Tí đến năm Hợi là mười hai năm, hết lượt lại quay trở lại năm Tí với vị hành-khiên của năm ấy.

Hành-khiên có ông thiện ông ác. Có năm trời ra tai hạn-hán lụt-lợi mất mùa đói kém, hay dịch-tễ chết hại, là do số tấu của Hành-khiên, trừng phạt vua quan không có nhân-chính hay dân ăn ở càn dỡ.

Lễ Trừ-tịch tiễn và đón các vị Hành-khiên *Phán-quan* của năm cũ năm mới, đồng thời cầu cúng cả bản-cảnh Thành-hoàng và Thổ-địa Thần-kỳ.

Các thôn xã thiết lập hương án nơi trung-thiên, ở sân-đình, ở Văn-chi, có khi ở ngã ba trước điểm canh, vàng hương trầu rượu hoa quả xôi gà, tế lễ trọng thể, trống chiêng vang dậy đêm khuya và pháo đốt ran. Tư-gia không làm riêng lễ trừ tịch.

Ở các tỉnh thành nhiều nhà cũng bày lễ cúng lúc giao-thừa, trong sân hay trước cửa nhà, mâm lễ vật đặt

trên chiếc ghế đầu hoặc chiếc thùng gỗ, luôm thuôm, không ra nghi lễ đối với thiên-thần như các vị Hành-khiên *Phán-quan*. Nhiều người không có ý thức rõ rệt về lễ Trừ-tịch, họ chỉ biết có thành-tâm cúng lễ, *vái tứ phương*, và cũng chẳng biết khấn *Đương-niên*, *Bản-cảnh Thành-Hoàng*.

SÚC SẮC SÚC SẼ

Đêm ba mươi Tết, cả ở thành-thị và thôn-quê nhiều nơi trẻ con nhà nghèo mỗi toản năm ba đứa, mang một chiếc ống bằng tre dựng mấy đồng tiền vừa đi vừa lắc lên thành tiếng « súc sắc », đứng hát trước cửa mỗi nhà để xin tiền :

Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa,

Mở cửa cho anh em chúng tôi vào.

Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp ;

Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng châu ;

Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.

Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm.

Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lễ.

Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,

Những con như tranh, những con như rỗi.

Đêm 30 Tết, nhà nào mà chẳng còn đèn còn lửa, câu hát có dụng ý làm cho người tá có bận mấy cũng phải tiếp đón chúng, nếu không mở cửa thì có khác gì nhà đã tro lạnh khói tàn, không còn ai nữa. Tục này mất hẳn đã lâu, đã hơn năm mươi năm rồi.

CỬA VÀO NHƯ NƯỚC

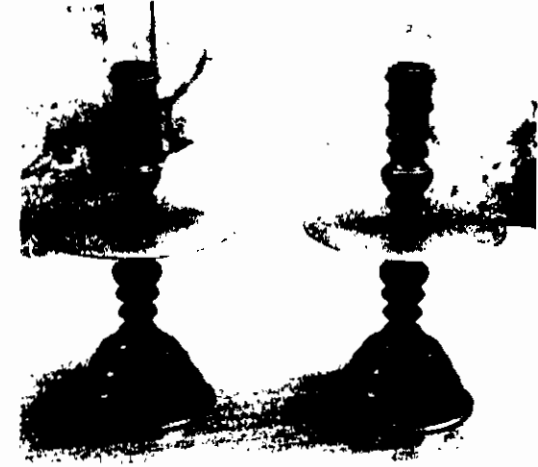
Ở phố xá sau giờ giao-thừa, mấy người làm nghề gánh nước thuê tự-động gánh đến mỗi nhà một vài đôi nước ý rằng đem *cửa vào như nước*; chủ nhà vui vẻ trả công gấp năm gấp mười ngày thường. Nhiều người buồn bán thường thiết-tha căn-dặn họ từ hôm trước đừng quên gánh nước đến.

LỄ CHÙA, ĐÈN, MIẾU HÁI LỘC

Ở tỉnh thành lúc giao-thừa, người ta đua nhau đi lễ chùa, lễ đền miếu, cầu xin Phật Thánh phù-hộ độ-trí cho bản-thân cho cả gia-đình suốt năm Khang-an cát khánh, mọi việc như ý. Đi lễ cầu phúc đầu năm sớm không ai mang lễ vật vàng hương như ngày thường; đến nơi đã sẵn có bán, chỉ cần mua hương thắp vái khấn; nhiều khi quá đông người, không thể vào lễ trước bàn thờ, phải đứng ngoài sân trước cửa đền cầm hương thắp khấu đầu vái và khấn cầu; có người mang theo về vài ba nén hương gọi là *hương lộc* đem cắm vào bát hương Táo-quần ở nhà... Lửa đỏ ở mấy nén hương là lộc Phật Thánh ban biểu-tượng cho hồng-vận cho thịnh-vượng.

Cũng nhiều người không xin hương-lộc, lễ xong ra sân vườn chùa miếu bẻ lấy một cành lá, tục gọi lá *hái lộc*, mang về giắt dưới mái nhà gian giữa trước bàn thờ gia-tiên. Năm mới lúc trở về có tài lộc mang theo, cành lá xanh tốt lại còn có ý nghĩa vui tươi.

Ở thôn quê, trời tối như đêm ba mươi Tết, lại hay có mưa, không mấy ai đi lễ đêm; người ta đợi sáng ngày



Cây nén bằng đồng



Lư trầm đồng hun

Ống hương gỗ tiện

(xem trang 278)

mồng một làm cỗ cúng gia-tiên rồi mới đi lễ chùa lễ đền miếu xin lộc.

XÔNG NHÀ XÔNG ĐẤT

Xưa các cụ tin rằng ngày đầu năm-mới được người vui vẻ dễ tính tốt nết đến nhà trước nhất, thì cả năm trong nhà mọi việc hanh-thông dễ-dàng... Người đến trước nhất là người *xông nhà*, *xông đất*. Nếu gặp phải người khản tính, độc-ác hay người khờ dại lẳng tính đến xông nhà thì cả năm làm ăn lúng-cúng khó-khăn, hoặc gặp nhiều vắn-vơ bực mình. Vì vậy các cụ thường kén chọn người nhờ đến xông nhà theo ý muốn.

Người đến xông nhà đốt một bánh pháo mừng và cất to giọng chúc nhà chủ đủ mọi điều tốt lành và, tùy từng trường-hợp :

Tặng phúc tặng thọ nếu nhà có cha mẹ già,

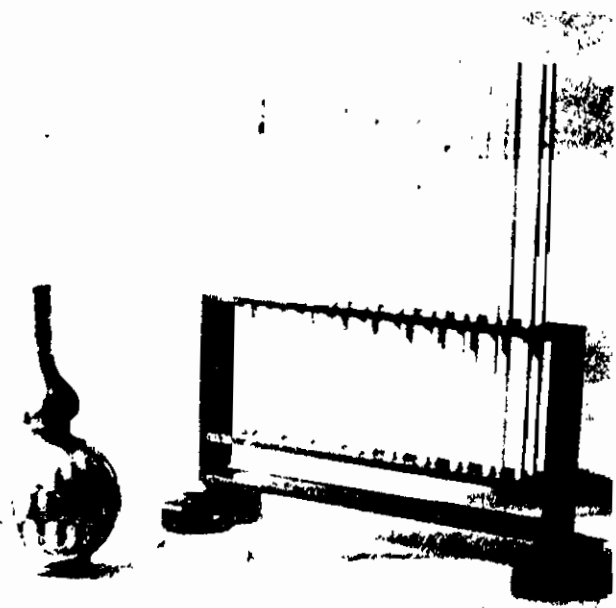
Phong đặng hòa-cốc nếu là nhà nông,

Tốt tài sai lộc nếu là nhà công nghệ,

Buôn may bán đắt, Nhất bản vạn lợi nếu là nhà buôn,

Thăng quan tiến chức nếu là người làm việc nhà nước.

Chủ nhà hoan-hỉ đón chào và cảm ơn, đồng thời cũng chúc mừng lại mọi điều hay, và có nơi còn đưa mừng tiền đựng trong một bao giấy nhỏ hồng điều gọi là *phong bao*. Tục đưa biếu tiền như vậy còn gọi là *mở hàng*.



Nậm đựng rượu cúng Giá cắm dĩa thờ
(xem trang 278)

Các nhà buôn quan-tâm nhiều nhất việc xông nhà xông đất.

Ở tỉnh thành đi lễ chùa lễ đền miếu trở về là xông đất nhà mình. Gia-đình nhiều người đi lễ thì lúc trở về đề cho người tốt nết nhất vào nhà trước.

ĐI LỄ TẾT.

Sáng sớm ngày mừng một, pha trà cúng gia-tiên, mọi người vào làm lễ trước bàn thờ theo thứ bậc cha trước con sau, anh trên em dưới. Bắt đầu lễ người ta đốt pháo. Cùng lúc này nhiều nhà đốt pháo, nhất là ở tỉnh thành, nghe liên-tiếp rền hàng giờ không dứt. Pháo là biểu-hiệu ngày Tết, là niềm vui tràn-trề, là những diễn-từ hùng-hồn nhất không có lời lẽ nào đẹp đẽ hơn để chúc-tụng; tiếng pháo xua đuổi, khói pháo làm tiêu tan tất cả những gì còn lớn vồn với ưu-tư. Ở đất Việt ta, Pháo là Tết, Tết là Pháo...

Trong những nhà nền-nếp lễ-gláo con cháu quy-tụ đông đủ chúc thọ ông bà cha mẹ, làm lễ hai lạy một vái. Ông bà cha mẹ răn bảo con cháu vài lời, khuyên trẻ nhỏ chăm học và ngoan ngoãn, lại mừng tuổi tiền cho chúng. Chỉ có một số rất ít người câu-hệ theo tục ấy, còn đại-chúng bình-dân không ưa kiểu cách như vậy.

Sau đấy nhà nào cũng lo làm cỗ cúng gia tiên, cúng Thổ-công, Táo-quân. Cỗ ngày Tết chỉ phải lo mấy bát nấu đã sắp sẵn từ hôm trước, còn toàn là giò, chỉ việc xắt bày lên mâm. Những người con thứ đã ra ở riêng, hoặc thuộc các ngành thứ, làm cỗ đơm ở nhà trưởng, đề cúng ông bà.

Cúng gia-tiên rồi các hàng chú bác và con cháu mọi gia-đình đến nhà thờ đại-tôn và nhà thờ tư-chỉ làm lễ tế Tồ. Các bậc hào-trưởng hương-lí ra đình làm lễ tế Thần. Tế tồ và tế thần theo nghi-thức trọng-thề, hết cả buổi sáng.

Nhiều nơi có tục tế đình xong một số quan-viên đại diện cả làng đi lễ yết các cửa họ.

Những người cùng một họ (chỉ riêng đàn ông) sau khi lễ tồ-tiên các nhà trong chi họ mình rồi, đến lễ tồ tiên các nhà chi trên và chi dưới, đồng thời chúc Tết. Họ to, nhiều nhà, thì anh em cắt đặt chia nhau đi lễ, chỉ trong ngày mừng một phải khắp hết.

Sang ngày mừng hai là ngày đi lễ tồ bên ngoại

Mồng một thì ở nhà cha,

Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy.

và đi chúc Tết những chỗ ân tình, những nhà bạn thân. Con rể (chưa cưới) phải đến lễ và chúc Tết nhạc-gia.

Tuy vậy, cũng nhiều nơi người ta đi lễ họ ngoại ngày mồng một. Duy có tục đơm cỗ thì bao giờ họ nội cũng đơm ngày mồng một, họ ngoại đơm ngày mồng hai.

Mấy tỉnh xứ Bắc có lệ làm cỗ đơm rất trọng hậu, đủ các thứ giò nem bánh mận bánh ngọt, làm có kỹ-thuật, cả đến như nước mắm đựng trong gói lá chuối vuông tám góc, đề tiện mang đi không sóng sánh đổ rớt, âu cũng là kiểu cách và đề khoe tài cạy khéo với thiên-hạ.

Ngày mồng ba, học trò dù đã lớn tuổi, dù đã chức-trọng quyền-cao cũng đến bái niên thầy học và lễ gia-tiên.

Đi lễ Tết, vào nhà phải nhanh-nhau nói đến lễ tồ, và chúc mừng năm mới. Phải vào lễ trước bàn thờ gia-tiên bốn lạy ba vái, rồi mới ngồi nói chuyện, uống nước, ăn trầu.

Ngày Tết ta có lệ bất cứ ai đến, không kể giờ giấc nào, xong tuần trầu nước, cũng mời uống rượu, ăn cỗ, ăn bánh. Khách cũng phải giữ lễ nhấm-nháp chút rượu nếu từ chối cỗ bánh, hoặc ăn một hai nhất mút.

MỪNG TUỔI MỞ HÀNG.

Con cháu họ hàng bà con cũng như con cháu bạn hữu, nếu còn nhỏ tuổi, đến nhà đều được chủ nhà cho tiền mừng tuổi, nhiều ít tùy tình tùy cảnh. Khách đến cũng cho tiền mừng tuổi con cháu còn nhỏ tuổi của chủ nhà. Tiền mừng tuổi thường cho số lẻ, là thú ý sẽ dư mãi ra.

Tiền mừng tuổi còn gọi là tiền mở hàng.

NHỮNG ĐIỀU KIÊNG KỶ

Ngày đầu năm ta hết sức tránh những ngôn ngữ những hành-động có thể đem lại sự không may suốt cả năm, gọi là *giông* hoặc nói là xui.

Giữ gìn không cau có, giận dữ, gắt gỏng, la lối, không để cho trẻ con khóc.

Kiêng nói con khi, con hùm,

Kiêng đánh vỡ chén bát...

Kiêng đánh đồ diều (diều hút thuốc lào), dầu hôi, Kiêng mặc áo trắng, là điềm tang chế,

Kiêng hốt rác đồ đi lúc quét nhà, phải vun vào một xô đợi sau khi *động thổ* (1) rồi hãy hốt bỏ.

Tục kiêng đồ rác là do ở *Suru-thần-ký* chép truyện một người lái buôn đi qua hồ Thanh-Thảo được Thủy-thần cho một con hầu tên là Như-Nguyện, đem về nhà ít năm thì giàu có. Một hôm nhằm ngày mồng một Tết đánh nó, nó chui vào đống rác biến mất. Từ đấy người lái buôn kia lại nghèo như xưa. Ta bắt chước người Tàu không đồ rác ngày Tết là do ở truyện ấy (2).

Người có đại tang phải giữ đạo hiếu không đi lễ, đi chúc Tết, đồng thời kiêng cho người ta, không đến với y-phục số gai.

Những nhà ăn Tết ba ngày, thì ngày mồng ba vẫn làm cỗ cúng gia-tiên, cúng Thổ-công Táo-quân như ngày mồng một và mồng hai.

Các cửa họ và các đền miếu hóa vàng và đóng cửa sau buổi lễ lễ trưa ngày mồng ba.

Trừ trường-hợp các học trò đồng-môn họp nhau cùng đi bái niên thầy, ngày mồng ba là ngày hoàn toàn của gia-đình, không ai đi lễ đi chúc Tết ngày mồng ba.

(1) Động-thổ : động chêm đất. Phải xem lịch trong mấy ngày đầu năm có ngày động thổ, từ ngày ấy trở đi mới có thể làm những việc động chêm đất, như bới đất, đào đất, đóng cọc, giã cối...

(2) *Việt-Nam phong-tục* Phan-kế-Bính.

HÓA VÀNG

Nhiều nhà hóa vàng ngày mồng ba. Anh em ruột nếu đã ở riêng, cũng như con chú con bác là gần, cùng đến nhà trưởng với đông đủ vợ con, cúng đốt vàng, tiền ông vải, ăn bữa cỗ hết Tết trong tinh thần-thích quyền-thuộc.

Mấy nhà giàu có hay đề đến ngày mồng bốn, mời chú bác anh em gần gũi đến lễ tiền ông vải và ăn cỗ hóa vàng.

Có nhà cần thận xem lịch gặp ngày xấu hay là chạm phải ngày tuổi chủ nhà thì làm lễ hóa vàng trước hoặc sau một ngày.

Có nơi người ta đã kéo dài cái Tết đến mồng bảy khai hạ mới hóa vàng. Ngày ấy làm cỗ cúng tiền ông vải, thường có mời anh em bà con ăn cỗ hóa vàng. Nhưng đó là những trường-hợp lẻ tẻ, chỉ một số ít nhà giàu có rồi-rãi bày vẽ, tựu-trung cũng vì tâm thành tưởng luyện tiền nhân mà đền hương nhật dạ thêm mấy ngày nữa.

Cúng đốt vàng, ngoài cỗ bàn bánh trái, còn tiền gạo mang lên bày trước bàn thờ để làm lễ tiền đưa. Gạo đựng trong thúng, với tiền mặt để trên, được đem hơ qua làm phép trên đồng vàng đang cháy, cũng như đốt đi cho người đã khuất, nhận lấy.

XUẤT HÀNH

Xuất hành là ra đi, ra khỏi cổng, đi khỏi đất làng xã mình ở, bất cứ đi đâu, đi có việc gì. Đầu năm ra đi

phải chọn ngày giờ tốt, phải chọn hướng đi. Thường làng nào cũng có người biết chữ nho, nhất là mấy ông đồ, hay lưu tâm đến việc xem lịch từ trước Tết, báo cho người ta biết khi được hỏi, sang năm mới ngày nào, giờ nào xuất-hành tốt, đi về hướng nào lợi.

Thật ra, chỉ những người câu-nệ và ở hoàn-cảnh thuận tiện mới có thể kén ngày giờ kén hướng xuất hành đầu năm. Có năm từ mồng một Tết đến mồng 6, mồng 7 không được ngày xuất hành, nhưng vẫn phải đi lễ Tết thì không thể kén ngày giờ, cũng như, không thể tránh nghịch-hướng nếu không có lối đi khác theo hướng tốt.

Mấy nơi có nhiều người buôn bán, dân làng lữ-lược xuất-hành cùng ngày cùng giờ trên một con đường đi về hướng tốt, rồi cùng trở về một nẻo khác, ai nấy khăn áo chỉnh-tề khác hẳn ngày thường, gặp nhau vui vẻ chào hỏi chúc-tụng, trông xa chẳng khác gì người đi chày hội.

Nhưng đại đa-số bình-dân sống đời thực-tế, không quan-tâm đến tục này, tuy vẫn nghe kháo nhau ngày xấu ngày tốt đầu năm.

Ta còn có tục trong ba ngày Tết ai đi đâu chiều tối cũng phải về, kiêng có đi mà không có về, giông cho cả gia-đình.

KHAI BÚT

Khai-bút là năm mới cầm bút viết lần đầu.

Ngày xưa nhiều người không biết chữ (chữ nho) và cũng nhiều người chỉ được học chút ít có khi chỉ